**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG**
**TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 310/2022/HS - ST
Ngày 30 -12 - 2022

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Kim Dung

2. Bà Lê Thu Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 269/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn T, tên gọi khác: không; sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn V, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn R và bà Phạm Thị N; có vợ là Triệu Thị T1 (đã ly hôn); có 02 con, cùng sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Doãn Thị D, sinh năm: 1993; nơi thường trú: thôn S, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Vũ Hồng S, sinh năm 1981; nơi thường trú: tổ E, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số F khu K, phường K, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

2. Anh Vũ Trọng H, sinh năm 1983; nơi thường trú: khu G, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu E, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

3. Anh Đặng Văn H1, sinh năm 1990; nơi thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng: Anh Trần Văn T2, sinh năm 1991; nơi thường trú: thôn S, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện tại: tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn T là thợ làm chống thấm, làm cùng và ở nhờ nhà của anh Trần Văn T2. Khoảng 09 giờ ngày 20/8/2022, anh T2 đi vắng, không có ở nhà, vợ anh T2 là chị Doãn Thị D ở trên tầng 3 ngôi nhà. Do thiếu tiền chi tiêu nên khi nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 của chị D đang để ở tầng một ngôi nhà, chìa khóa vẫn cắm ở xe, trong cốp xe có giấy đăng ký xe mô tô và giấy phép của chị D, không có ai trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp xe bán lấy tiền. Sau đó T dắt chiếc xe ra khỏi nhà và điều khiển xe đến thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, T bán chiếc xe nói trên cho anh Vũ Hồng S là chủ cửa hàng mua bán xe máy M, có địa chỉ tại số F, khu K, phường K, thị xã Đ. Quá trình mua bán xe, T nói đây là xe của bố vợ cho T, anh S kiểm tra thấy xe không có dấu hiệu cậy phá, có giấy đăng ký xe nên đồng ý mua và đã trả đủ cho T 6.900.000đ (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) theo thỏa thuận. Số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 02/9/2022, chị Doãn Thị D đến Công an thành phố H trình báo về sự việc trên.

Ngày 04/9/2022, Bùi Văn T bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Sau khi mua xe của T, ngày 21/8/2022, anh Vũ Hồng S đã bán lại chiếc xe cho anh Vũ Trọng H với giá 11.200.000đ (mười một triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 22/8/2022, anh H đã bán lại chiếc xe cho anh Đặng Văn H1 với giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).

Ngày 04/9/2022, anh Đặng Văn H1 sau khi được biết nguồn gốc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 mua của Bùi Văn T là do trộm cắp mà có, đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 181/KLĐGTS, ngày 04/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H, kết luận: trị giá của 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17, số khung 33DY498497, số máy F33E-0578648, đăng ký mua mới ngày 16/4/2014 là 5.880.000đ (năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Kết luận giám định số 1705/KL-KTHS ngày 13/10/2022 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: số khung, số máy hiện tại của xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17, số khung 33DY498497, số máy F33E-0578648 là số khung, số máy nguyên thủy.

Tại Cáo trạng số 276/CT-VKSHL ngày 25/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long đã truy tố Bùi Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội "trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 04/9/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Doãn Thị D đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Các anh Vũ Hồng S, Vũ Trọng H và Đặng Văn H1 đều không yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Ngày 20/10/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17, số khung 33DY498497, số máy F33E-0578648 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Doãn Văn T3 cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Doãn Thị D.

Quá trình khai báo bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, việc bị đưa ra xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, việc khai báo tự nguyện không bị ép buộc.

Bị hại - chị Doãn Thị D thể hiện quan điểm về việc khoảng 09 giờ ngày 20/8/2022 để xe máy tại tầng một nhà riêng đã bị T lợi dụng sơ hở trộm cắp tài sản. Đến nay chị đã nhận lại chiếc xe trên và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Đặng Văn H1 và anh Vũ Trọng H có lời khai thể hiện việc Vũ Trọng H mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 của anh Vũ Hồng S với giá 11.200.000đ. Sau đó, anh H bán chiếc xe này cho anh Đặng Văn H1 với giá 13.000.000đ. Khi mua bán xe các anh không biết chiếc xe này do phạm tội mà có nên khi anh H1 giao nộp xe cho cơ quan điều tra, anh H đã trả lại cho anh H1 13.000.000đ tiền mua xe và anh H đã lấy lại số tiền 11.200.000đ từ anh Vũ Hồng S nên không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Vũ Hồng S có lời khai: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/8/2022, anh S đang ở cửa hàng mua bán xe máy Mai Linh của mình thì bị cáo điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 đến và nói xe của bố vợ cho nhưng không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán chiếc xe trên. Sau đó bị cáo đưa cho anh S một đăng ký xe mô tô mang tên Doãn Văn T3, anh S kiểm tra số khung, số máy và biển kiểm soát trùng với đăng ký nên đồng ý mua. Anh S và bị cáo thống nhất mua bán chiếc xe trên với giá 6.900.000đ, viết giấy tờ mua

bán 7.000.000đ. Đến khoảng 09 giờ ngày 21/8/2022, anh đã bán chiếc xe trên cho anh Vũ Trọng H với giá 11.200.000đ. Sau đó anh H bán chiếc xe trên cho anh H1, anh Hải giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan điều tra nên anh H trả lại tiền bán xe cho anh H1, anh trả lại tiền bán xe cho anh H. Số tiền 6.900.000đ anh mua xe của bị cáo, anh không yêu cầu bị cáo trả lại.

Người làm chứng - anh Trần Văn T2 có lời khai phù hợp với bị hại chị Doãn Thị D về việc chị D bị T lợi dụng sơ hở trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 mà chị D để tại tầng một nhà riêng của anh chị. Bị cáo là người làm chung công trình và đang ở nhà của vợ chồng anh. Khi phát hiện bị mất xe mô tô, anh và vợ là chị D kiểm tra camera an ninh thì phát hiện bị cáo đã điều khiển chiếc xe mô tô của chị D đi từ trong nhà ra ngoài đường, bị cáo không hỏi mượn vợ chồng anh. Khoảng ba ngày sau, bị cáo liên lạc với anh và thừa nhận việc trộm cắp xe của chị D và đã mang bán tại cửa hàng mua bán xe cũ trên tại phường K, thị xã Đ để lấy tiền chi tiêu cá nhân và hứa chuộc lại xe trả lại cho chị D nhưng sau đó bị cáo không trả.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bảo đảm các quyền, nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Văn T thể hiện do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khi nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 của chị Doãn Thị D đang dựng ở trong nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ xe, giấy đăng ký xe mô tô và giấy phép lái xe của chị D ở trong cốp nên đã T đã trộm cắp chiếc mô tô của chị D rồi mang đi bán cho anh Vũ Hồng S được 6.900.000đ.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh phù hợp với lời khai của bị hại chị Doãn Thị D về việc bị mất tài sản; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vũ Hồng S về việc bị cáo mang chiếc xe mô tô trộm cắp đến bán cho anh nhưng anh không biết chiếc xe này là tài sản do bị cáo trộm cắp được mà có. Đồng thời phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố H; phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 09 giờ ngày 20/8/2022, tại nhà riêng của anh Trần Văn T2 (số nhà B, tổ E, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh), Bùi Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17, trị giá 5.880.000đ (năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) của chị Doãn Thị D.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của bị cáo đã thể hiện thiếu ý thức chấp hành pháp luật, coi thường các quy tắc đạo đức, xã hội; bị cáo đã lợi dụng sở hở của người bị hại trộm cắp tài sản mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có công việc, thu nhập nên không áp dụng.

[6] Về phần bồi thường dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Đặng Văn H1 đã nhận lại tiền mua xe từ anh Vũ Trọng H, anh H đã nhận lại tiền mua xe từ anh Vũ Hồng S, không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Đối với anh Vũ Hồng S mua chiếc xe mô tô trộm cắp được mà có của bị cáo với số tiền 6.900.000đ rồi bán xe cho anh H, anh Hiển bán xe cho anh H1. Sau đó chiếc xe này được thu hồi được trả lại cho chủ sở hữu, anh S phải trả lại tiền bán xe cho anh H. Do đó, anh bị thiệt hại số tiền 6.900.000đ bỏ ra mua xe của bị cáo nhưng anh không yêu cầu bị cáo trả lại anh số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận quyền tự định đoạt tài sản của anh S, không xem xét giải quyết và không truy thu số tiền 6.900.000đ đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: ngày 20/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại cho chị Doãn Thị D 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Doãn Văn T3 là chủ sở hữu hợp pháp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô của chị Doãn Thị D, bị cáo vất đi không tìm thấy, chị D không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long tại phiên tòa, áp dụng điều luật, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Tòa án.

Đối với anh Vũ Hồng S, anh Vũ Trọng H, anh Đặng Văn H1 mua chiếc xe mô tô Honda Vision màu đỏ, biển kiểm soát 89G1-087.17 do bị cáo mang bán nhưng không biết nguồn gốc tài sản là do bị cáo trộm cắp tài sản của người khác mà có nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bùi Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bùi Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 04/9/2022.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
*- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
*- VKSND TP Hạ Long;*
*- CQĐT Công an TP Hạ Long, CQTHAHS Công an thành phố Hạ Long; Đội hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát Công an thành phố Hạ Long;*
*- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;*
*- Chi cục THADS TP Hạ Long;*
*- VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
*- TAND tỉnh Quảng Ninh;*
*- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
*- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
**(đã ký)**

**Phạm Thị Cúc**